TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án hình sự sơ thẩm
Số: 18/2019/HSST
Ngày: 01/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Tâm và ông Nguyễn Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Châu V – Sinh năm: 1990; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Trần Khải H (SN: 1968) và bà: Nguyễn Thị Đ (SN: 1967); vợ: Trần Thị Thanh H (SN: 1996); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/6/2019 đến ngày 28/6/2019, có mặt.

**** Bị hại:*** Chị Trần Thị Thanh H – Sinh ngày 16/4/1996; Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Trần Khải H – Sinh năm: 1968, có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Đ – Sinh năm: 1967, có mặt;

Cùng cư trú: Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Bà Trần Thị L – Sinh năm: 1964, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nảy sinh tình cảm nam nữ trước đó nên vào tháng 3/2011 (không xác định được ngày), Trần Châu V đến nhà Trần Thị Thanh H (sinh ngày 16/4/1996)

ở thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Tại đây, V nhiều lần có hành vi giao cấu với H (tại thời điểm giao cấu H được 14 năm 11 tháng 15 ngày tuổi), làm H có thai. Đến ngày 18/6/2011, ông Trần Khải H, bà Nguyễn Thị Đ là cha mẹ ruột của V và bà Trần Thị L là mẹ ruột của H tổ chức đám cưới cho V và H. Sau đó V tiếp tục giao cấu với H tại nhà của H cho đến cuối tháng 12/2011 (lúc H 15 năm 8 tháng 15 ngày tuổi). Do thai nhi lớn nên V không thực hiện hành vi giao cấu nữa. Ngày 20/02/2012, H sinh một bé gái, đặt tên Trần Nhã Đan N.

Tại bản kết luận giám định số 229/C09C (DD5) ngày 18/3/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Trần Nhã Đan N là con đẻ của Trần Thị Thanh H và Trần Châu V.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Châu V đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Về dân sự: Sau khi có hành vi giao cấu, V đi làm kiếm tiền đưa cho H. Ngoài ra, V còn bồi thường riêng cho H 3.000.000đ, bị hại không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSĐH ngày 30/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà truy tố bị cáo Trần Châu V về tội "Giao cấu với trẻ em" theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin Tòa cho hưởng án treo để bị cáo được tại ngoại lao động nuôi con.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Bị cáo Trần Châu V do nảy sinh tình cảm nam nữ, nhiều lần giao cấu với bị hại, làm bị hại mang thai, sau đó bị cáo đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Châu V từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường 3.000.000đ, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo không khiếu nại gì nên đều là chứng cứ hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 3/2011 đến cuối tháng 12/2011, tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú yên, Trần Châu V đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Trần Thị Thanh H (sinh ngày 16/4/1996, từ lúc H 14 tuổi 11 tháng 15 ngày đến lúc H được 15 tuổi 08 tháng 15 ngày), làm H có thai và sinh 01 bé gái vào ngày 20/02/2012.

Hành vi của bị cáo giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi thực hiện từ tháng 3 năm 2011 đến cuối tháng 12 năm 2011 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Giao cấu với trẻ em" theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ.

Bị cáo là người đã đủ 18 tuổi, đủ điều kiện nhận thức về hành vi nhưng đã thực hiện hành vi giao cấu với bị hại khi bị hại dưới 16 tuổi. Mặc dù được sự đồng ý của bị hại nhưng khi ở vào độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi, bị hại nhận thức chưa đầy đủ về hành vi tình dục, giới tính và tác hại của việc sinh hoạt tình dục quá sớm có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe sinh sản sau này. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi, gây tác hại đến sự phát triển đạo đức, nhân cách và ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi giao cấu nhiều lần, làm bị hại có thai nên phải xử mức án tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo; Ngoài tiền bị cáo đưa hàng tháng cho chị H nuôi con thì bị cáo còn tự nguyện bồi thường riêng 3.000.000 đồng cho bị hại. Hiện nay bị cáo và bị hại đã đăng ký kết hôn theo quy định, có 02 con chung. Mặc dù cuộc sống khó khăn phải đi làm ăn xa dẫn đến có lúc hiểu lầm, xô xát nhưng đến nay, bị hại đồng thời đang là vợ hợp pháp của bị cáo tha thiết đề nghị Tòa giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được tại ngoại, để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau lao động nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, đồng thời áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử dưới mức thấp của khung hình phạt, để bị cáo yên tâm cải tạo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước mà yên tâm cải tạo.

Đối với hành vi của bà Trần Thị L, ông Trần Khải H và bà Trần Thị Đ đã có hành bi tổ chức đám cưới cho V và H lúc H mới được 15 tuổi 02 tháng 12 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, bà L, ông H, bà Đ chưa bị xử phạt hành chính về hành vi này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa không xem xét, xử lý về tội Tổ chức tảo hôn theo quy định tại Điều 183 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường 3.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Châu V** phạm tội "Giao cấu với trẻ em"

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo **Trần Châu V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 (ba) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Châu V cho Ủy ban thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khi bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Châu V phải chịu **200.000đ** *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. vhb

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đông Hoà;
- THA DS huyện Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Thu